TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Ông Dương Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B , tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B , tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Bà Pham T Y T , sinh năm 1993; Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Long An; Địa chỉ liên lạc: Số Q, ấp T, xã T, huyện Bi, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà T : Bà Lê Th A Th, sinh năm 1996; Địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; Địa chỉ liên hệ: Số 92, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (theo Hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng P chứng nhận ngày 15/4/2024);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T : Bà Trần T C T – Luật sư của Văn phòng Luật sư N ộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

Bị đơn*:* Ông Trần P Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Long An

(Bà T , ông Đ và bà T có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 28/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Pham T Y T trình bày:

Bà và ông Trần P Đ quen biết nhau trên cơ sở tự tìm hiểu, phát sinh tình cảm và tiến tới xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2015. Ông bà có tổ chức lễ cưới, có thực hiện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P , huyện B , tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03 tháng 02 năm 2015.

Sau khi cưới, ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu T ẫn do tính tình không hợp, nên thường xuyên cãi vã và đôi khi còn dẫn đến xô xát nhưng bà cũng cố gắng duy trì hôn nhân này vì thời điểm này bà còn tình cảm với ông. Gần đây, ông còn có mối quan hệ tình cảm với người khác, bà đã yêu cầu ông chấm dứt nhưng không có kết quả, sự việc lập lại nhiều lần như vậy đã cho bà biết rõ bản thân ông Đ không còn muốn vun vén hạnh phúc gia đình này. Chính thái độ này đã ngày càng bào mòn tình cảm bà dành cho ông, nên dù rất mong muốn duy trì mối quan hệ vợ chồng để con chung có một gia đình đầy đủ nhưng ông không trân trọng cơ hội hàn gắn mà bà dành cho ông. Do đó, từ cuối năm 2023 thì ông bà chấm dứt mối quan hệ vợ chồng, dù vẫn sống chung nhà nhưng chỉ là hình thức vì thực tế vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà kiên nhẫn chờ con hoàn thành năm học vào tháng 5 năm 2024 thì mẹ con bà về nhà mẹ ruột sinh sống và ông bà cũng chính thức ly thân đây. Thời gian ly thân, vợ chồng cũng không còn gặp mặt, mỗi người đều có cuộc sống riêng cho mình nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần P Đ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần P G H, sinh ngày 01/10/2016. Hiện nay con chung đang sống với bà nên khi ly hôn, bà đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng vì bản thân bà hoàn toàn có khả năng nuôi con. Quá trình hòa giải, ông Đ mong muốn nuôi con chung nhưng thực tế từ tháng 5/2024 đến nay thì con chung do một mình bà nuôi dưỡng thì vẫn đảm bảo đầy đủ điều kiện để con chung phát triển tốt nhất.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không tranh chấp về tài sản chung và vợ chồng cũng không có nợ chung.

Tại Bản tường trình ngày 10/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần P Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian và quá trình quen biết, kết hôn, con chung. Tuy nhiên, về lý do dẫn đến mâu T ẫn gia đình thì ông cho rằng do bà T có thái độ không tôn trọng ông và gia đình ông nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Trước khi ly hôn, bà có đề xuất với ông ra ngoài sinh sống vì phía gia đình ông không dành tình cảm cho mẹ con bà. Tuy nhiên, ông cho rằng gia đình bên ông luôn cư xử đúng mực với bà và rất yêu thương cháu Hân, bản thân ba ruột của ông là người trực tiếp đưa rước con chung đi học trong thời gian ông bà đi

làm giờ hành chính, nên việc bà yêu cầu ra ngoài sinh sống là không phù hợp. Do ông từ chối yêu cầu của bà nên bà mới nộp đơn ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần P G H, sinh ngày 01/10/2016. Từ trước đến nay, con chung sống với vợ chồng ông bà cùng gia đình bên nội, chỉ đến tháng 5/2024 thì bà T tự ý dẫn con về nhà ngoại. Thời gian này, ông có nhiều lần điện thoại để gặp mặt con nhưng bà T không tạo điều kiện nên từ đó đến nay ông cũng chưa được thăm nom con. Mặc dù hiện nay con chung đang sống với bà T nhưng từ nhỏ cháu đã sống cùng gia đình nội, có nhiều điều kiện T ận lợi để học tập vui chơi. Do đó, ông không đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung, ông không tranh chấp tài sản chung và xác định vợ chồng cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng về nội dung yêu cầu nuôi con chung chung thì không thống nhất được nên kết quả hòa giải không thành. Đồng thời, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa,

Bà T trình bày bổ sung: Ông Đ cho rằng bà cản trở ông thăm con là không đúng. Bởi vì, trong thời gian con chung ở với bà thì ông Đ có điện thoại đề nghị nói chuyện với cháu Hân nhưng cháu Hân không đồng ý nghe máy, bản thân cháu Hân cũng đã lớn nên bà không thể bắt ép. Ngoài ra, bà không có hành vi gì để cho rằng gây khó khăn cho ông thăm con.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bà T là Luật sư Trần Thị Cẩm T trình bày: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn, đề nghị nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, các bên cũng thống nhất các nội dung tranh chấp trừ yêu cầu nuôi con chung. Xét về điều kiện kinh tế, công việc và sự hỗ trợ từ gia đình thì cả hai đều đảm bảo để nuôi con. Tuy nhiên, căn cứ về thực tế hiện nay là cháu Hân đang ở với bà T và đặc biệt là nguyện vọng của cháu vẫn mong muốn duy trì sự ổn định này. Từ khi con chung chuyển về huyện Ba Tri cho đến nay thì cuộc sống của cháu đã ổn định, bà T rất nỗ lực để xin nơi học mới cho con và cũng đã được nơi tiếp nhận đồng ý, chỉ còn chờ thủ tục chuyển trường là hoàn tất. Bản thân bà T cũng đã T xếp công việc để xin chuyển công tác từ huyện B về huyện Ba Tri nhằm có nhiều thời gian chăm sóc con. Từ tất cả những căn cứ trên đã cho thấy, bà T hoàn toàn có đầy đủ điều kiện về vật chất cũng như tinh thần để chăm sóc con chung tốt hơn và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hân, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Đ có ý kiến tranh luận đối với lời trình bày của nguyên đơn cũng như Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn như sau: Ông Đ không đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng vì từ nhỏ cháu đã sống ở huyện B , các điều kiện ăn ở học tập đều T ận tiện hơn rất nhiều so với ở bên nhà bà T tại huyện Ba Tri. Về bản nguyện vọng của con mong muốn được sống với mẹ là do có sự tác động từ bà T , một phần vì cháu còn nhỏ chưa nhận thức hết những điều kiện tốt đẹp mà ông và gia đình nội dành cho cháu nếu cháu sống cùng ông. Mục đích ông tha thiết xin nuôi con là vì mong muốn đảm bảo cho cháu Hân có cuộc sống tốt nhất. Ngoài ra, trong thời

gian Tòa án chưa giải quyết xong vụ án thì bà T đã có dấu hiệu cản trở ông thăm con nên nếu Tòa án giao con cho bà T thì ông lo ngại sẽ có nhiều khó khăn khi ông thực hiện quyền thăm nom con của mình. Về sức khỏe và mối quan hệ xã hội của ông là T ộc đời sống riêng tư, không liên quan đến vụ án vì hoàn toàn không ảnh hưởng đến việc ông nuôi dưỡng con chung nên ông không muốn tranh luận với bà T .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Các đương sự đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu T ẫn, mục đích hôn nhân không thể Đ được và ông bà hiện đã ly thân. Tại phiên tòa, ông Đ cũng đồng ý ly hôn, do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Về nuôi con chung, xét điều kiện tài chính, T nhập và thời gian để có thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì bà T và ông Đ đều đảm bảo. Tuy nhiên, khi xem xét nguyện vọng của cháu Hân thì cháu có mong muốn được sống chung với mẹ và ngoại. Mặc khác, hiện nay cháu Hân đang sống ổn định với bà T tại huyện Ba Tri, cháu lại là nữ nên việc để mẹ cháu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sẽ phù hợp hơn cho sự phát triển về tâm sinh lý của cháu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Bà Pham T Y T khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Trần P Đ, căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm T ộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Pham T Y T có yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần P Đ, xác định tư cách tham gia tố tụng của bà T là nguyên đơn, ông Đ là bị đơn theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc tham gia phiên toà: Tại phiên tòa, bà T , ông Đ và Luật sư T có mặt, bà Thư là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về phần tài sản chung vắng mặt nhưng các đương sự xác định không tranh chấp về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Đ xác lập quan hệ vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã P , huyện B , tỉnh Long An

cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2015 quyển số 01/2015 ngày 03 tháng 02 năm 2015 nên được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Bà T trình bày, sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu T ẫn do tính tình không hợp. Ông bà đã ly thân từ cuối năm 2023 và chính thức không còn sống chung nhà từ khoảng tháng 5 năm 2024 cho đến nay, dù bà đã cho ông cơ hội hàn gắn nhưng mâu T ẫn vẫn không thể khắc phục được nên bà kiên quyết xin ly hôn. Riêng ông Đ cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã vì tính tình có nhiều điểm không hòa hợp. Nghiêm trọng hơn là bà T có thái độ không tôn trọng ông và gia đình ông, khi cãi vã thường có lời lẽ xúc phạm gây mất tình cảm gia đình, vợ chồng ông cũng đã ly thân từ trước khi bà T về nhà mẹ ruột sinh sống nên ông cũng đồng ý ly hôn. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Căn cứ quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T .

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền nuôi con chung:

[2.2.1] Căn cứ tài liệu chứng cứ và sự thừa nhận của các bên, có cơ sở xác định quá trình chung sống ông Đ và bà T có 01 con chung tên Trần P G H, sinh ngày 01/10/2016 và hiện đã sinh sống cùng bà T từ tháng 5/2024 cho đến nay tại huyện Ba Tri. Khi ly hôn, bà T đề nghị được nuôi cháu Hân nhưng ông Đ không đồng ý vì bà T không đủ điều kiện nuôi con và sẽ gây xáo trộn cuộc sống của cháu Hân khi phải thay đổi môi trường học tập. Xét chứng cứ do bà T và ông Đ cung cấp thể hiện, cả hai ông bà đều có việc làm ổn định và đều nhận được sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm nom con. Tuy nhiên, căn cứ thực tế hiện nay cháu Hân đang sống ổn định với bà T tại huyện Ba Tri, bà T có cung cấp chứng cứ về việc đã xin trường học mới cho cháu Hân ở gần nhà để đảm bảo cháu Hân không bị ảnh hưởng quá lớn khi phải thay đổi môi trường học tập. Hiện nay cũng không có căn cứ để xác định trong thời gian này bà T nuôi dạy con không tốt như ông Đ trình bày.

[2.2.2] Về nguyện vọng của con chung: Tại bản nguyện vọng ngày 29/3/2024 do bà T cung cấp thể hiện mong muốn được sống chung với mẹ. Thực tế, sau một khoảng thời gian sống cùng mẹ tại huyện Ba Tri thì cháu vẫn giữ nguyên ý kiến là yêu cầu được tiếp tục sinh sống cùng mẹ và ngoại, mong muốn được cuối tuần về thăm ba, theo bản nguyện vọng do cháu Hân tự viết ngày 20/6/2024 tại Tòa án. Ông Đ cho rằng bản nguyện vọng do cháu Hân trình bày trực tiếp tại Tòa án là không khách quan vì không có mặt ông là chưa phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình có quy định việc lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên phải bảo đảm *"...không lấy ý kiến trước mặt cha, mẹ để tránh gây áp lực tâm lý cho con..."* nên không được chấp nhận.

[2.2.3] Về ý kiến trình bày của ông Đ cho rằng có điều kiện kinh tế hoàn toàn vượt trội so với bà T nên sẽ đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung. Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định "… *Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*…".

Do đó, việc ông cho rằng bản thân có điều kiện kinh tế đảm bảo hơn không được xác định là căn cứ quyết định để giao con cho ông.

[2.2.4] Ngoài ra, tại phiên tòa ông Đ còn cho rằng bà T có dấu hiệu cản trở ông thăm con trong thời gian qua, nên nếu Tòa án giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ gây khó khăn cho ông khi thực hiện quyền thăm con sau ly hôn. Tuy nhiên, lời trình bày của ông không được bà T thừa nhận, ông cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà T không tạo điều kiện cho ông thăm con. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2024 do Tòa án nhân dân huyện B lập, bà T đã cam kết trường hợp bà gây cản trở cho ông Đ thăm nom con thì ông có quyền thay đổi nuôi con. Do đó, quyền lợi hợp pháp của ông nếu bị xâm phạm như ông trình bày thì sẽ được xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật nếu ông có yêu cầu.

[2.2.5] Riêng về tài liệu là sổ khám bệnh của ông Đ và màn hình tin nhắn được chụp từ điện thoại cá nhân của ông Đ mà bà T đã cung cấp cho Tòa án chỉ là bản chụp nên về hình thức là không đảm bảo theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các đương sự cũng không đề nghị Tòa án T thập làm rõ hai nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận định để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung nên giao cháu Hân cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến trình bày của Luật sư là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp sau này có đương sự nào tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có đương sự nào tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.5] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức T , miễn, giảm, T , nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.6] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức T , miễn, giảm, T , nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Pham T Y T về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" đối với ông Trần P Đ.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa T ận tự nguyện ly hôn của bà Pham T Y T và ông Trần P Đ.

1.2 Về quyền nuôi con chung: Bà Pham T Y T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần P G H, sinh ngày 01/10/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Pham T Y T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông Trần P Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Toà án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sơ thẩm: Bà Pham T Y T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007270 ngày 03/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B , tỉnh Long An, bà Pham T Y T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã P , huyện B , tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Thái Thị Thanh Thúy